TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T1** **TỈNH T2**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DS-ST
Ngày 10/4/2024
Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hiểu.

2. Ông Vũ Văn Quảng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Sớm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023; Thông đưa người tham gia tố tụng số: 03A/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2023; các Quyết định hoãn phiên tòa; Thông báo về việc thay đổi ngày, giờ mở phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1951.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T2.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn Ch, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T2.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan:

1. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1937.

Địa chỉ: Thôn N, xã TG, huyện T1, tỉnh T2.

2. Bà Phạm Thị X, sinh năm 1939.

Địa chỉ: Thôn x, xã ĐQ, huyện LY, tỉnh Y.

3. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn TNĐ, xã AN, huyện T1, tỉnh T2.

4. Bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn x, xã KP, thành phố TQ, tỉnh TQ.

5. Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn x, xã KP, thành phố TQ, tỉnh TQ.

6. Bà Lê Thị D, sinh năm 1958 (bà D là vợ ông B).
Địa chỉ: Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T2.

7. Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T2.
8. Anh Phạm Văn C, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T2.
Các bà Phạm Thị M, Phạm Thị X, Phạm Thị H, Phạm Thị Ng, Phạm Thị Ph uỷ quyền cho ông Phạm Văn B tham gia tố tụng.

(Ông B, bà D, bà H có mặt; ông Ch, bà M, bà X, bà Ng, bà Ph, chị Th, anh C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Phạm Văn B trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Phạm Văn T (mất năm 2000), cụ Phạm Thị G (mất năm 2010). Bố mẹ ông có 07 người con là ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ng, bà Phạm Thị Ph. Ngoài ra không có con đẻ, con nuôi nào khác. Trước khi chết bố, mẹ ông không để lại di chúc. Tài sản của bố, mẹ ông là thửa đất số 494, diện tích 345m^2 đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 899645, vào sổ cấp giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất số 1525, ngày 28/5/1997 mang tên ông Phạm Văn T tại Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T2. Anh em ông không thống nhất được việc chia thừa kế vì vậy đề nghị Tòa án chia thừa kế tài sản của bố mẹ ông đều cho 07 anh chị em ông. Và các chị em gái của ông là bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ng, bà Phạm Thị Ph nhường toàn bộ phần thừa kế được nhận lại cho ông là con trai trưởng ở và thờ cúng tổ tiên. Tài sản trên đất là do vợ chồng xây dựng cho bố mẹ ông và sau khi bố mẹ ông chết thì gia đình ông sinh sống từ đó đến nay. Nay ông không yêu cầu chia tài sản trên đất. Nếu phần tài sản trên đất được chia cho ai thì người đó được hưởng, ông không có ý kiến gì.

Ông B đồng ý với kết quả đo đạc ngày 26/7/2023 của đơn vị đo đạc và kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá huyện T1 ngày 26/7/2023.

Bà Lê Thị D đồng ý với ý kiến của ông Phạm Văn B, không có ý kiến gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17/8/2023 tại nhà bị đơn là ông Phạm Văn Ch, Thôn Đ, xã TG, huyện T1, ông Ch trình bày:

Bố, mẹ ông là cụ Phạm Văn T (mất năm 2000), cụ Phạm Thị G (mất năm 2010). Bố mẹ ông có 07 người con là ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn Ch, bà Phạm

Thị M, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ng, bà Phạm Thị Ph, hiện nay 07 người con đều còn sống. Bố, mẹ ông không có con đẻ, con nuôi nào khác. Bố, mẹ ông chết không để lại di chúc. Tài sản của bố, mẹ ông là thửa đất số 494, diện tích 345m^2 đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 899645, vào sổ cấp giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất số 1525, ngày 28/5/1997 mang tên ông Phạm Văn T tại Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T2. Ông yêu cầu ông Phạm Văn B phá hết công trình ông B xây trên đất của bố, mẹ ông để trả về hiện trạng ban đầu cho bố, mẹ ông. Ông đề nghị Toà án chia đất của bố mẹ ông theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai đề ngày 08/02/2023, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các bà: Phạm Thị M, Phạm Thị X, Phạm Thị H, Phạm Thị Ng, Phạm Thị Ph trình bày:

Bố, mẹ các bà là cụ Phạm Văn T (mất năm 2000), cụ Phạm Thị G (mất năm 2010) có 07 người con là ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ng, bà Phạm Thị Ph. Bố, mẹ các bà chết không để lại di chúc. Nay ông Phạm Văn B làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án chia di sản của bố, mẹ các bà để lại là thửa đất 345m^2 đất tại Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T2. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quan điểm của các bà là đồng ý chia di sản thừa kế của bố, mẹ các bà để lại chia đều cho 07 anh, chị, em; các bà xin nhường lại phần diện tích được hưởng thừa kế cho ông Phạm Văn B để ông B làm nơi thờ cúng tổ tiên. Ngoài ra, các bà không có ý kiến gì khác.

Các bà: Phạm Thị M, Phạm Thị X, Phạm Thị H, Phạm Thị Ng, Phạm Thị Ph uỷ quyền cho ông Phạm Văn B tham gia tố tụng tại Toà án và đều có ý kiến đề nghị Toà án chia di sản thừa kế theo pháp luật và đồng ý nhường lại phần di sản thừa kế các bà được hưởng cho ông B ở và làm nơi thờ cúng bố, mẹ các bà.

Tại phiên toà, bà Phạm Thị H đồng ý với ý kiến của ông Phạm Văn B, đề nghị Toà án chia di sản thừa kế theo pháp luật, bà đồng ý nhường lại phần di sản thừa kế bà được hưởng cho ông B ở và làm nơi thờ cúng bố, mẹ bà; bà không yêu cầu ông B phải thanh toán giá trị phần di sản thừa kế bà được hưởng bằng tiền; bà H đồng ý với kết quả đo đạc ngày 26/7/2023 của đơn vị đo đạc và kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá huyện T1 ngày 26/7/2023.

Tại bản tự khai đề ngày 06/12/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn C trình bày:

Anh là con trai ông Phạm Văn Ch, ông nội, bà nội anh là cụ Phạm Văn T (mất năm 2000), cụ Phạm Thị G (mất năm 2010) có 07 người con là ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ng, bà Phạm Thị Ph. Ông, bà nội anh chết không để lại di chúc. Nay ông Phạm Văn B làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án chia di sản của ông, bà nội anh để lại là thửa đất 345m^2 đất tại Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T2. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Phạm Văn T và ông Phạm Văn Ch.

Hiện nay anh có đổ bê tông nền và một số công trình xây dựng phụ trợ vào thời điểm tháng 9/2023. Nay ông B khởi kiện chia thừa kế, quan điểm của anh là Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành, nếu có vấn đề gì về giải quyết tranh chấp, anh sẽ không có ý kiến gì và đòi bồi thường. Đề nghị Toà án giải quyết theo Hiến pháp và pháp luật.

Tại bản tự khai đề ngày 06/12/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị Th trình bày:

Chị là con gái ông Phạm Văn Ch, ông nội, bà nội chị là cụ Phạm Văn T (mất năm 2000), cụ Phạm Thị G (mất năm 2010) có 07 người con là ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ng, bà Phạm Thị Ph. Ông, bà nội chị chết không để lại di chúc. Nay ông Phạm Văn B làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án chia di sản của ông, bà nội chị để lại là thửa đất 345m^2 đất tại Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T2. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ năm 2020 chị có xây dựng một ngôi nhà 02 tầng, diện tích 150m^2, công trình khép kín trên diện tích đất của ông, bà nội chị. Thời điểm chị xây dựng là một mình chị xây dựng không liên quan đến chồng hiện tại của chị. Nay ông B khởi kiện chia thừa kế, quan điểm của chị là Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo kết quả đo đạc ngày 26/7/2023, tại Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T2:

Thửa đất số 494, tờ bản đồ số 6, đo đạc năm 1995, diện tích 345m^2 đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 899645, vào sổ cấp giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất số 1525, ngày 28/5/1997 mang tên ông Phạm Văn T tại Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T2 có tổng diện tích là 394,8m^2.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 26/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện T1 xác định:

01 m^2 đất ở có giá 4.050.000 đồng, tổng giá trị tài sản chung là đất ở của cụ T và cụ G là: 4.050.000 đồng x 394,8 = 1.598.940.000 đồng. Ngoài ra, trên thửa đất di sản thừa kế còn một số tài sản như nhà ở và một số công trình phụ trợ của ông B, một phần nhà ở của chị Thanh, một số công trình của anh C trên đất đã được định giá, tuy nhiên, các tài sản trên là tài sản riêng của ông B, chị Th, anh C, không phải là di sản thừa kế.

Tại các biên bản xác minh ngày 07/11/2023, tại trụ sở UBND xã TG, ông Tô Xuân Đ, Phó Chủ tịch UBND xã, ông Đặng Kim L, cán bộ tư pháp và ông Tô Xuân H, cán bộ địa chính xã trình bày:

Cụ Phạm Văn T (mất năm 2000), cụ Phạm Thị G (mất năm 2010). Hai cụ có 07 người con là ông Phạm Văn B, sinh năm 1951; ông Phạm Văn Ch, sinh năm 1958; bà Phạm Thị M, sinh năm 1937; bà Phạm Thị X, sinh năm 1939; bà Phạm Thị H, sinh năm 1957; bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1960 và bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1966. Ngoài ra, hai cụ không có con riêng, con nuôi hợp pháp nào khác.

Về nguồn gốc đất tại thửa 494, tờ bản đồ số 6, đo đạc năm 1995 tại Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T2 là của cụ Phạm Văn T được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và đã được UBND huyện T1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 899645, vào sổ cấp giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất số 1525, ngày 28/5/1997, diện tích 345m^2 đất thổ. Hiện tại diện tích đất trên không có tranh chấp gì với tứ cận. Việc diện tích hiện trạng tăng thêm 49,8 m^2 là do sai số trong quá trình đo đạc. Đất của cụ Phạm Văn T không bị khấu trừ theo quy định của Quyết định 652 và 948 của UBND tỉnh T2. Theo bản đồ đo đạc năm 1990 tại Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T2.

Về chi phí tố tụng, nguyên đơn là ông Phạm Văn B có ý kiến tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đo đạc, thẩm định, định giá.

Về án phí, các đương sự đồng ý chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1 phát biểu quan điểm về việc về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do cụ Phạm Văn T và cụ Phạm Thị G để lại là thửa đất số 494, tờ bản đồ số 6, đo đạc năm 1995 tại Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T2 đã UBND huyện T1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 899645, vào sổ cấp giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất số 1525, ngày 28/5/1997 đứng tên cụ Phạm Văn T, thửa đất có diện tích theo hiện trạng đo đạc là 394,8m^2 , theo hướng chia bằng hiện vật thành 7 phần bằng nhau, có tính toán để việc ổn định kết cấu các công trình trên đất. Chấp nhận việc bà Mai, Xuân, Hường, Nga, Phương nhường lại phần di sản thừa kế mà các bà được hưởng cho ông Binh. Ngoài ra, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Toà án giải quyết về án phí, chi phí định giá tài sản và chi phí thẩm định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp về thừa kế tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án nhân dân huyện T1 thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Do nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thống nhất được với nhau về việc phân chia di sản thừa kế, nên Toà án phải đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về thời hiệu: Cụ Phạm Văn T, chết ngày 10/01/1999; cụ Phạm Thị G, chết ngày 13/4/2010. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Phạm Văn T là ngày 10/01/1999, thời điểm mở thừa kế cụ Phạm Thị G là ngày 13/4/2010. Như vậy, ông Phạm Văn B khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của cụ Phạm Văn T và cụ Phạm Thị G trong thời hiệu theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Cụ Phạm Văn T và cụ Phạm Thị G sinh được 07 người con là: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1951; ông Phạm Văn Ch, sinh năm 1958; bà Phạm Thị M, sinh năm 1937; bà Phạm Thị X, sinh năm 1939; bà Phạm Thị H, sinh năm 1957; bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1960 và bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1966. Ngoài ra, hai cụ không có con riêng, con nuôi hợp pháp nào khác.

Ngày 10/01/1999, cụ Phạm Văn T chết; ngày 13/4/2010, cụ Phạm Thị G chết, cả hai cụ đều không để lại di chúc; bố mẹ cụ T chết trước cụ T, bố bố mẹ cụ Giữa chết trước cụ G. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của cụ Phạm Văn T và cụ Phạm Thị G là 07 người gồm: Ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ng và bà Phạm Thị Ph. Di sản thừa kế để lại thửa đất số 494, tờ bản đồ số 6, đo đạc năm 1995 tại Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T2 đã được UBND huyện T1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 899645, vào sổ cấp giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất số 1525, ngày 28/5/1997, diện tích 345m^2 đất thổ, mang tên cụ Phạm Văn T, theo kết quả đo đạc thực trạng ngày 26/7/2023 thửa đất trên có diện tích 394,8m^2. Trên thửa đất trên có tài sản trên đất là nhà ở và một số công trình phụ trợ của ông B, một phần nhà ở của chị Th, một số công trình của anh C.

[3.2] Tại Biên bản xác minh với UBND xã TG, huyện T1, tỉnh T2 ngày 07/11/2023 xác định: Theo bản đồ 1995, số thửa 494, tờ bản đồ số 6, diện tích 345m^2 tại Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T2, mang tên cụ Phạm Văn T, thửa đất đã được Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh T2 cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H 899645, vào sổ cấp giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất số 1525, ngày 28/5/1997, diện tích 345m^2, loại đất T. Theo kết quả đo đạc ngày 26/7/2023, thửa đất trên có tổng diện tích là 394,8m^2. Xác định có sự khác nhau về diện tích đất giữa bản đồ 1995, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và kết quả đo đạc thực tế ngày 26/7/2023 là do sai số trong đo đạc và biến động đất đai. Vợ chồng cụ Phạm Văn T và cụ Phạm Thị G đã sử dụng ổn định, lâu dài thửa đất là di sản thừa kế nêu trên nên có đủ căn cứ xác định diện tích đất 394,8m^2 thuộc thửa 494 ghi tên người sử dụng là cụ Phạm Văn T là tài sản chung của cụ T và cụ G.

[3.3] Theo biên bản định giá tài sản ngày 26/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện T1 xác định: 01 m^2 đất ở có giá 4.050.000 đồng, tổng giá trị tài sản chung là đất ở của cụ T và cụ G là: 4.050.000 đồng x 394,8 = 1.598.940.000 đồng. Ngoài ra, trên thửa đất di sản thừa kế còn một số tài sản như nhà ở và một số công trình phụ trợ của ông B, một phần nhà ở và công trình của chị Th, một số công trình của anh C trên đất đã được định giá, xác định đây là tài sản riêng của ông B, chị Th, anh C nên các tài sản trên không phải là di sản thừa kế.

Do vậy, di sản thừa kế là thửa đất số 494, tờ bản đồ số 6, bản đồ 1995, diện tích 345m^2 tại Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T2, mang tên cụ Phạm Văn T, thửa đất đã được Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh T2 cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H 899645, vào sổ cấp giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất số 1525, ngày 28/5/1997, diện tích 345m^2, loại đất T. Theo kết quả đo đạc ngày 26/7/2023, thửa đất trên có diện tích là 394,8m^2. Di sản thừa kế của cụ Phạm Văn T và cụ Phạm Thị G để lại có tổng giá trị là 1.598.940.000 đồng.

[3.4] Xét thấy yêu cầu của các đồng thừa kế, người có quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng có yêu cầu về chia thừa kế theo pháp luật vì vậy cần chia di sản thừa kế của cụ Phạm Văn T và cụ Phạm Thị G theo quy định của pháp luật.

[3.5] Vì hàng thừa kế của cụ Phạm Văn T và cụ Phạm Thị G có 07 người là các ông, bà: Phạm Văn B, Phạm Văn Ch, Phạm Thị M, Phạm Thị X, Phạm Thị H, Phạm Thị Ng và Phạm Thị Ph nên chia thừa kế của cụ Phạm Văn T và cụ Phạm Thị G theo pháp luật, ông B, ông Ch, bà M, bà X, bà H, bà Ng và bà Ph mỗi suất thừa kế được hưởng phần diện tích đất ở như sau:

Diện tích đất ở: 394.8/7= 56.4m^2. Như vậy mỗi kỷ phần hưởng 56.4m^2 đất ở tương ứng với 56.4 x 4.050.000 đồng = 228.420.000 đồng.

Xét thấy, các bà M, X, H, Ng và Ph tự nguyện để lại cho ông B để ông B ở và thờ cúng bố, mẹ, do vậy ông B được hưởng toàn bộ phần di sản thừa kế được chia cho các bà M, X, H, Ng và Ph. Đây là sự tự nguyện của các đương sự cần ghi nhận, như vậy, ông B được hưởng tất cả là 338,4m^2 đất ở, tương ứng với 1.370.520.000 đồng.

[3.6] Ông B đang sử dụng và đã xây dựng các công trình trên diện tích đất là 291,9m^2 và chị Phạm Thị Th, anh Phạm Văn C đã xây dựng các công trình trên một phần đất di sản thừa kế. Xét thấy, chị Phạm Thị Th (là con gái ông Ch) không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T và cụ G, tuy nhiên khi chị Th xây nhà không ai trong hàng thừa kế có ý kiến gì, chị Th không có nhà, đất ở nào khác, để đảm bảo quyền lợi của chị Th và đảm bảo ổn định kết cấu công trình, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho chị Phạm Thị Th 53,1m^2 đất ở thuộc di sản thừa kế và chị Th có trách nhiệm thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế; mặt khác ông Phạm Văn Ch có phần diện tích 190 m^2 đất ao về phía nam của thửa đất di sản thừa kế, để thuận lợi cho việc sử dụng đất của ông Ch, cần chia di sản thừa kế, cụ thể như sau:

Chia cho ông B phần đất có nhà ở, các công trình phụ trợ và phần diện tích đất ông B đang trực tiếp sử dụng. Tổng diện tích ông B được chia là 291,9m^2 đất ở (có sơ đồ và tứ cận kèm theo). Theo kỷ phần ông B được 56,4m^2 đất ở và 282m^2 đất ở các hàng thừa kế khác là các bà Phạm Thị M, Phạm Thị X, Phạm Thị H, Phạm Thị Ng và Phạm Thị Ph tự nguyện để lại cho ông B, tổng diện tích ông B được hưởng là 338,4m^2. Ông B đang ở trên diện tích đất là 291,9m^2, phần đất ông B còn thiếu là 46,5m^2, tương ứng với 188.325.000 đồng, chị Phạm Thị Th phải thanh toán cho ông B.

Chia cho ông Phạm Văn Ch 49,8m^2 đất ở thuộc di sản thừa kế, ông Ch không phải thanh toán phần giá trị của sân bê tông và một số công trình xây dựng anh Phạm Văn C đã xây dựng trên phần diện tích trên; ông Phạm Văn Ch được chị Phạm Thị Th thanh toán phần giá trị 6,6m^2 đất ở, bằng 26.730.000 đồng là phần đất còn thiếu theo kỷ phần được chia.

Phần công trình của anh C xây dựng trên diện tích đất là di sản thừa kế anh C không yêu cầu các đương sự phải thanh toán phần giá trị cho anh.

[4] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản, đo đạc và án phí:

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản, đo đạc ông B tự nguyện thanh toán toàn bộ, các đương sự khác không phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản, đo đạc.

Án phí dân sự, ông B, ông Ch, bà M, bà X, bà H, bà Ng là người cao tuổi, không phải chịu án phí.

Bà Phạm Thị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% giá trị di sản thừa kế được nhận, tuy nhiên tại phiên toà ông Phạm Văn B tự nguyện chịu án phí thay cho bà Phạm Thị Ph nên cần ghi nhận sự tự nguyện của ông B.

Do phần đất giao cho chị Phạm Thị Th là phần kỷ phần được chia của ông B, ông Ch, những người này được miễn án phí nên chị Phạm Thị Th không phải chịu án phí.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn B, chia di sản thừa kế của cụ Phạm Văn T và cụ Phạm Thị G theo quy định của pháp luật:

- Di sản thừa kế của vợ chồng cụ Phạm Văn T và cụ Phạm Thị G là 345m^2 đất ở, là thửa đất số 494, tờ bản đồ số 6, bản đồ 1995, diện tích 345 m^2 tại Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T2, mang tên cụ Phạm Văn T, thửa đất đã được Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh T2 cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H 899645, vào sổ cấp giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất số 1525, ngày 28/5/1997, diện tích 345m^2, loại đất T. Theo kết quả đo đạc ngày 26/7/2023, thửa đất trên có diện tích là 394,8m^2, có tổng giá trị là 1.598.940.000 đồng.

- Chia thừa kế của vợ chồng cụ Phạm Văn T và cụ Phạm Thị G bằng hiện vật cho Ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ng và bà Phạm Thị Ph, mỗi suất thừa kế được hưởng 56,4m^2, tương ứng với số tiền là 228.420.000 đồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của các bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ng và bà Phạm Thị Ph nhường lại toàn bộ phần di sản thừa kế được hưởng của vợ chồng cụ Phạm Văn T và cụ Phạm Thị G cho ông Phạm Văn B sử dụng và làm nơi thờ cúng vợ chồng cụ Phạm Văn T và cụ Phạm Thị G. Như vậy, tổng diện tích đất ông B được hưởng là 338,4m^2.

- Chia cho ông Phạm Văn B được quyền sử dụng 291,9m^2 đất ở thuộc thửa đất số 494, tờ bản đồ số 6, bản đồ 1995, tại Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T2, mang tên cụ Phạm Văn T, thửa đất đã được Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh T2 cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H 899645, vào sổ cấp giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất số 1525, ngày 28/5/1997, loại đất T; theo kết quả đo đạc ngày 26/7/2023, thửa đất trên có diện tích là 394,8m^2, có tứ cận là: Phía Bắc giáp đường giao thông, có chiều dài 10,1m, phía Đông giáp đất ông Phạm Văn Ch, có chiều dài 29,68m, phía nam giáp mương thuỷ lợi có chiều dài 10,23m, phía Tây giáp đất chị Phạm Thị Th và ao của ông Phạm Văn Ch, dài 27,65m (có sơ đồ kèm theo). Ông Phạm Văn B được nhận trị giá của 46,5m^2 đất ở còn thiếu tương đương số tiền 188.325.000đồng do chị Phạm Thị Th thanh toán.

Ông B tiếp tục được sở hữu các tài sản có trên đất được chia là nhà ở và các công trình phụ trợ khác.

- Chia cho ông Phạm Văn Ch được quyền sử dụng 49,8m^2 đất ở thuộc thửa đất số 494, tờ bản đồ số 6, bản đồ 1995, diện tích 345m^2 tại Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T2, mang tên cụ Phạm Văn T, thửa đất đã được Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh T2 cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H 899645, vào sổ cấp giấy

Chứng nhận Quyền sử dụng đất số 1525, ngày 28/5/1997, loại đất T; theo kết quả đo đạc ngày 26/7/2023, thửa đất trên có diện tích là 394,8m^2, có tứ cận là: Phía Bắc giáp đường giao thông, có chiều dài 4,57m, phía Đông giáp đất ao chị Phạm Thị Th, có chiều dài 9,99m, phía nam giáp ao của ông Phạm Văn Ch có chiều dài 5,38m, phía Tây giáp đất Phạm Thanh H, có chiều dài 10,20m (có sơ đồ kèm theo). Ông Ch không phải thanh toán không phải thanh toán phần giá trị các công trình trên đất cho anh Phạm Văn C. Ông Ch được nhận trị giá của 6,6m^2 đất ở còn thiếu tương đương số tiền 26.730.000 đồng do chị Phạm Thị Th thanh toán.

- Giao cho chị Phạm Thị Th được quyền sử dụng 53,1m^2 đất ở thuộc thửa đất số 494, tờ bản đồ số 6, bản đồ 1995, diện tích 345m^2 tại Thôn Đ, xã TG, huyện T1, tỉnh T2, mang tên cụ Phạm Văn T, thửa đất đã được Chủ tịch UBND huyện T1, tỉnh T2 cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H 899645, vào sổ cấp giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất số 1525, ngày 28/5/1997, loại đất T; theo kết quả đo đạc ngày 26/7/2023, thửa đất trên có diện tích là 394,8m^2, có tứ cận là: Phía Bắc giáp đường giao thông, có chiều dài 5,29m, phía Đông giáp đất ông Phạm Văn B, có chiều dài 10,23m, phía nam giáp nhà ở của chị Phạm Thị Th có chiều dài 5,25m, phía Tây giáp đất ông Phạm Văn Ch, có chiều dài 9,99m (có sơ đồ kèm theo). Chị Th phải thanh toán cho ông Phạm Văn B số tiền 188.325.000 đồng; thanh toán cho ông Phạm Văn Ch số tiền 26.730.000 đồng.

Chị Thanh được quyền sở hữu các tài sản có trên phần diện tích đất được giao là nhà ở và các công trình phụ trợ khác.

2. Về chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ, định giá, án phí:

Về chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ, định giá: Ông Phạm Văn B tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ, định giá.

Án phí dân sự, ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị Ng là người cao tuổi, không phải chịu án phí.

Ông Phạm Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm thay cho bà Phạm Thị Ph là 11.421.000 đồng.

Chị Phạm Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo về vấn đề liên quan trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 10/4/2024. Bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về vấn đề liên quan trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện T1;
- Lưu hồ sơ.

Đồng Ngọc Huyền